

# PHÂN TÍCH, SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH MÔN SINH HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018 VÀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN SINH HỌC HIỆN HÀNH

Đình Quang Báo - Phan Thị Thanh Hội  
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

*Ngày nhận bài: 19/8/2019; ngày chỉnh sửa: 27/9/2019; ngày duyệt đăng: 10/10/2019.*

**Abstract:** In December 2018, the Ministry of Education and Training approved the General Education Curriculum 2018, including the Overall Curriculum and the Curriculum of subjects. The highlight of the Curriculum 2018 is the competency-based one and is divided into two stages. In this article, we will analyze and compare the curriculum of Biology in the Curriculum 2018 with the current Biology Curriculum, clarify inheritance and new points as the basis for educators, university lecturers and Biology teachers at schools in renovating training and fostering to meet the new General Education Curriculum.

**Keywords:** Curriculum, general education curriculum, Biology, Biological curriculum.

## 1. Mở đầu

Trong Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT)-Chương trình tổng thể [1] đã nêu rõ: *Chương trình GDPT cụ thể hoá mục tiêu GDPT, giúp học sinh (HS) làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời, có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp,...* Điều này được thể hiện trong Chương trình các môn học, trong đó có môn Sinh học.

Sinh học là môn học được lựa chọn trong nhóm môn khoa học tự nhiên ở giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp. Mục tiêu môn Sinh học là hình thành, phát triển ở HS năng lực sinh học; đồng thời góp phần cùng các môn học, hoạt động giáo dục khác hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung là các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo [2]. Để đáp ứng mục tiêu này, chương trình môn Sinh học 2018 có những điểm kế thừa chương trình hiện hành (Chương trình 2006), nhưng cũng có nhiều điểm đổi mới khác biệt. Trong nghiên cứu này sẽ có sự phân tích, đối chiếu những điểm kế thừa và khác biệt giữa 2 chương trình.

## 2. Nội dung nghiên cứu

Trong nội dung bài viết này, chúng tôi tập trung phân tích chương trình môn Sinh học trong chương trình GDPT 2018 và so sánh với chương trình GDPT hiện hành (2006) ở các khía cạnh cơ bản sau đây:

### 2.1. Mục tiêu chương trình

Chương trình GDPT hiện hành vừa nhằm hoàn chỉnh tri thức phổ thông, vừa định hướng phân hóa ngành nghề theo hình thức phân ban rộng: Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Kỹ thuật (trước đó gọi là ban A, B, C). Trong

đó, chương trình Sinh học trung học phổ thông (THPT) thuộc ban Khoa học tự nhiên, định hướng HS lựa chọn học tiếp các ngành nghề về nông, lâm, ngư nghiệp, y - dược học, sư phạm sinh học,... Sau đó, đến năm 2006, điều chỉnh còn chương trình cơ bản và chương trình nâng cao không thể hiện rõ định hướng ngành nghề.

Chương trình GDPT mới chia thành 2 giai đoạn, trong đó giai đoạn 2 ở cấp THPT giáo dục phân hóa định hướng nghề nghiệp. Do vậy, về cơ bản, chương trình Sinh học THPT 2018 kế thừa quan điểm giáo dục định hướng ngành nghề của chương trình hiện hành. Điểm khác của chương trình GDPT 2018 so với chương trình 2006 là phân hóa ngành nghề theo phương thức tự chọn linh hoạt hơn bằng các tổ hợp môn học đa dạng từ các lĩnh vực Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Mĩ thuật - Công nghệ, trên cơ sở các môn học chung nền tảng phổ thông, bắt buộc và mỗi môn học, mỗi chủ đề nội dung có giới thiệu các ngành nghề liên quan. Điểm khác biệt nữa là nếu như phần Tiến hóa trước chỉ có trong chương trình THPT thì nay nội dung đó còn được đưa vào chương trình môn Khoa học tự nhiên ở cấp trung học cơ sở (THCS).

Trong chương trình GDPT 2018, môn Sinh học nhấn mạnh mục tiêu hình thành, phát triển ở HS năng lực sinh học; đồng thời góp phần hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu (như tình yêu thiên nhiên, niềm tự hào về thiên nhiên của quê hương, đất nước; thái độ tôn trọng các quy luật của thiên nhiên, trân trọng, giữ gìn và bảo vệ thiên nhiên, ứng xử với thiên nhiên phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững,...) và góp phần hình thành năng lực chung (năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo). Những phẩm chất và NL đó được rèn luyện và hình thành, phát triển dần thông qua

tổ chức HS học tập, đáp ứng các yêu cầu cần đạt trong từng chủ đề nội dung môn học.

## 2.2. Cấu trúc chương trình

Chương trình Sinh học 2018 kế thừa chương trình hiện hành về cấu trúc: Sinh học 10 chủ yếu bao gồm sinh học cấp độ phân tử, tế bào; Sinh học 11: Sinh học cấp độ cơ thể; Sinh học 12: Sinh học cấp độ trên cơ thể và những đặc tính chung của sự sống: di truyền, tiến hóa, tương tác với môi trường. Trong từng cấp độ tổ chức sống, các khái niệm, quy luật, quá trình sinh học cơ bản đều được đề cập đến trong cả 2 chương trình. Điểm khác biệt là chương trình Sinh học 2018 đi sâu hơn về cơ sở sinh học của các công nghệ ứng dụng trong thực tiễn đời sống hàng ngày, trong giải quyết các vấn đề mang tính quốc gia, toàn cầu như phát triển bền vững, bảo vệ môi trường.

Chương trình môn Sinh học 2018 ngoài các nội dung cốt lõi còn có các chuyên đề học tập, mỗi năm học có 3 chuyên đề gồm 35 tiết. Nội dung các chuyên đề mở rộng, nghiên cứu sâu hơn nội dung trong chương trình và gắn với các vấn đề thực tiễn.

## 2.3. Thời lượng dạy học và nội dung môn học

### 2.3.1. Thời lượng dạy học

Trong chương trình môn Sinh học THPT hiện hành, tổng thời lượng dạy học là 139 tiết (Sinh học 10: 35 tiết; Sinh học 11: 52 tiết và Sinh học 12: 52 tiết).

Chương trình môn Sinh học 2018, tổng thời lượng dạy học là 210 tiết (mỗi lớp 70 tiết), ngoài ra, mỗi lớp còn có 3 chuyên đề với thời lượng 35 tiết/ năm [2].

### 2.3.2. Nội dung môn học

Nội dung sinh học trong chương trình Sinh học 2018 bao quát các cấp độ tổ chức sống gồm phân tử, tế bào, cơ thể, quần thể, quần xã - hệ sinh thái, sinh quyển. Mỗi cấp độ tổ chức sống bao gồm cấu trúc, chức năng; mối quan hệ giữa cấu trúc, chức năng và môi trường sống. Từ kiến thức về các cấp độ tổ chức sống khái quát các đặc tính chung của thế giới sống là di truyền, biến dị và tiến hóa. Thông qua các chủ đề nội dung sinh học, trình bày các thành tựu công nghệ sinh học trong chăn nuôi, trồng trọt, xử lý ô nhiễm môi trường, nông nghiệp và thực phẩm sạch; trong y - dược học.

Chương trình môn Sinh học tiếp thu, cập nhật những thành tựu mới nhất về kiến thức, về công nghệ sinh học từ các nguồn sách chuyên khảo, các chương trình môn học của nhiều nước trên thế giới. Để vừa tiếp thu được nội dung sinh học hiện đại, vừa thuận lợi cho các tác giả soạn sách giáo khoa, giáo viên, HS, nhiều nội dung được lựa chọn từ cuốn Sinh học do N.A. Campbell chủ biên.

Những nội dung mới trong Chương trình Sinh học 2018 [2] so với chương trình 2006 [3,4,5] được thể hiện cụ thể như sau:

Chương trình Sinh học 2018	Chương trình hiện hành 2006	Điểm mới chương trình 2018 so với chương trình 2006
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu khái quát chương trình môn Sinh học</li> <li>- Sinh học và sự phát triển bền vững</li> <li>- Các phương pháp nghiên cứu và học tập môn Sinh học</li> <li>- Giới thiệu chung về các cấp độ tổ chức của thế giới sống.</li> </ul>	<p>Giới thiệu chung về các cấp độ tổ chức của thế giới sống</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương trình sinh học 2018 đã bổ sung thêm các nội dung về giới thiệu chương trình, giúp HS có cái nhìn khái quát về đối tượng và các lĩnh vực nghiên cứu của sinh học; Mục tiêu và vai trò của môn Sinh học; Sinh học trong tương lai; Các ngành nghề liên quan đến sinh học.</li> <li>- Giới thiệu về Phát triển bền vững môi trường tự nhiên và xã hội.</li> <li>- Giới thiệu về các phương pháp nghiên cứu sinh học; vật liệu, thiết bị; các kỹ năng tiên tiến.</li> </ul>
<p><i>Sinh học tế bào (SHTB)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát về tế bào</li> <li>- Thành phần hoá học của tế bào</li> <li>- Cấu trúc tế bào</li> <li>- Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở tế bào</li> <li>- Thông tin ở tế bào</li> <li>- Chu kì tế bào và phân bào</li> <li>- Công nghệ tế bào và một số thành tựu</li> <li>- Công nghệ enzyme và ứng dụng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần hoá học của tế bào</li> <li>- Cấu trúc tế bào</li> <li>- Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở tế bào</li> <li>- Chu kì tế bào và phân bào</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã đưa thêm nội dung thông tin ở tế bào vào chương trình 2018.</li> <li>- Chuyển nội dung Công nghệ tế bào và một số thành tựu từ lớp 12 chương trình 2006 lên lớp 10 ở chương trình 2018.</li> <li>- Bổ sung nội dung Công nghệ enzyme - protein và ứng dụng.</li> </ul>
<p><i>Sinh học Vi sinh vật và virut</i></p>		

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm và các nhóm vi sinh vật</li> <li>- Các phương pháp nghiên cứu vi sinh vật</li> <li>- Quá trình tổng hợp và phân giải ở vi sinh vật</li> <li>- Quá trình sinh trưởng và sinh sản ở vi sinh vật</li> <li>- Một số ứng dụng vi sinh vật trong thực tiễn</li> <li>- Virus và các ứng dụng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm và các nhóm vi sinh vật</li> <li>- Quá trình tổng hợp và phân giải ở vi sinh vật</li> <li>- Quá trình sinh trưởng và sinh sản ở vi sinh vật</li> <li>- Một số ứng dụng vi sinh vật trong thực tiễn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương trình 2018 có sự bổ sung nội dung Các phương pháp nghiên cứu vi sinh vật và Virus và ứng dụng</li> </ul>
<p><i>Sinh học cơ thể</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở sinh vật</li> <li>- Cảm ứng ở sinh vật</li> <li>- Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật</li> <li>- Sinh sản ở sinh vật</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở sinh vật</li> <li>- Cảm ứng ở sinh vật</li> <li>- Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật</li> <li>- Sinh sản ở sinh vật</li> </ul>	<p>Trong chương trình 2018, có sự điều chỉnh tiếp cận theo các dấu hiệu đặc trưng cấp cơ thể và chứng minh các đặc trưng chung thông qua dạy thực vật và động vật. Ngoài ra, ở mỗi chương đều đề cập đến các nội dung kiến thức liên quan đến y học và sức khỏe; phần thực vật và động vật đều có sự giới thiệu các ngành nghề liên quan</p>
<p><i>Di truyền học</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Di truyền phân tử</li> <li>- Di truyền nhiễm sắc thể</li> <li>- Di truyền gene ngoài nhân</li> <li>- Mối quan hệ kiểu gene - môi trường - kiểu hình</li> <li>- Thành tựu chọn, tạo giống bằng các phương pháp lai hữu tính</li> <li>- Di truyền quần thể</li> <li>- Di truyền học người</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ chế di truyền và biến dị</li> <li>- Tính quy luật của hiện tượng di truyền</li> <li>- Di truyền học quần thể</li> <li>- Ứng dụng di truyền học.</li> <li>- Di truyền học người</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cách tiếp cận trong chương trình 2018 có điểm khác với chương trình 2006: Từ khái quát tới cụ thể, bắt đầu từ khái niệm “Hệ gen”</li> <li>- Khái niệm “Tương tác gen” được cập nhật với những nghiên cứu mới của thế giới</li> <li>- Bổ sung, cập nhật những tri thức mới, khai thác cơ sở phân tử của các hiện tượng di truyền và biến dị; làm sáng tỏ bản chất của các hiện tượng này;</li> <li>- Bổ sung các thông tin mới liên quan đến các biến đổi ngoại di truyền trong sự biểu hiện của tính trạng</li> <li>- Nhấn mạnh khả năng ứng dụng những tiến bộ của Di truyền học trong khoa học và đời sống hiện nay, liên quan đến y học, nông nghiệp, khoa học hình sự...</li> <li>- Phần Quy luật di truyền đi sâu vào việc khai thác bản chất của mối quan hệ gen - protein - tính trạng để giải thích các hiện tượng tương tác gen, tính đa hiệu của gen, gen đa alen, mỗi quy luật đều xuất phát từ bối cảnh/ tình huống có vấn đề khoa học</li> <li>- Phần Liên kết gen mở rộng ứng dụng trong lập bản đồ di truyền (dựa vào lai hữu tính) và bản đồ vật lí (dựa trên những thành tựu của các kĩ thuật phân tích DNA, giải trình tự DNA...)</li> </ul>
<p><i>Tiến hoá</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các bằng chứng tiến hoá</li> <li>- Quan niệm của Darwin về chọn lọc tự nhiên và hình thành loài</li> <li>- Thuyết tiến hoá tổng hợp hiện đại</li> <li>- Tiến hoá lớn và phát sinh chủng loại</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bằng chứng và cơ chế tiến hoá</li> <li>- Sự phát sinh và phát triển sự sống trên Trái Đất</li> <li>- Sự phát sinh loài người</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm rõ hơn Tiến hoá lớn là cơ chế hình thành các đơn vị phân loại trên loài - tiến hoá lớn quan trọng đặc biệt khi trái đất thay đổi do đó cần bảo vệ các cấp độ trên loài</li> <li>- Bài sự sống qua các đại địa chất đã nhấn mạnh là quá trình diễn thế sinh thái</li> <li>- Xây dựng và ứng dụng cây phát sinh chủng loại</li> <li>- Tiến hoá hành vi (tiến hoá tập tính) ở động vật</li> </ul>

<p><i>Sinh thái học và môi trường</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Môi trường và các nhân tố sinh thái</li> <li>- Sinh thái học quần thể</li> <li>- Sinh thái học quần xã</li> <li>- Hệ sinh thái</li> <li>- Sinh quyển</li> <li>- Sinh thái học phục hồi, bảo tồn và phát triển bền vững</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá thể và quần thể sinh vật</li> <li>- Quần xã sinh vật</li> <li>- Hệ sinh thái, sinh quyển và bảo vệ môi trường</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích cụ thể mối quan hệ sinh vật với môi trường; nhấn mạnh dạy sinh thái học phải hình thành các cấp độ trên cơ thể</li> <li>- Làm rõ bản chất diễn thế sinh thái là quá trình tiến hóa thiết lập trạng thái thích nghi cân bằng, làm cơ sở khoa học cho các biện pháp bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu</li> <li>- Bổ sung các nội dung Sinh thái học phục hồi, bảo tồn và phát triển bền vững</li> </ul>
--	--	--

*Hệ thống chuyên đề học tập*

Chuyên đề	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
Chuyên đề 10.1: Công nghệ tế bào và một số thành tựu	×		
Chuyên đề 10.2: Công nghệ enzyme và ứng dụng	×		
Chuyên đề 10.3: Công nghệ vi sinh vật trong xử lí ô nhiễm môi trường	×		
Chuyên đề 11.1: Dinh dưỡng khoáng - tăng năng suất cây trồng và nông nghiệp sạch		×	
Chuyên đề 11.2: Một số bệnh dịch ở người và cách phòng ngừa, điều trị		×	
Chuyên đề 11.3: Vệ sinh an toàn thực phẩm		×	
Chuyên đề 12.1: Sinh học phân tử			×
Chuyên đề 12.2: Kiểm soát sinh học			×
Chuyên đề 12.3: Sinh thái nhân văn			×

Trong giới hạn phạm vi nghiên cứu, chưa có điều kiện phân tích điểm mới từng chủ đề của các mạch nội dung, vì vậy chúng tôi chỉ phân tích minh họa ở phần SHTB:

Trong chương trình môn Sinh học 2018, nội dung phần SHTB được xây dựng khoa học, logic, vừa kế thừa chương trình Sinh học 2006 vừa cập nhật các nội dung mới phù hợp với xu thế phát triển của Sinh học, đặc biệt là công nghệ sinh học.

- Nội dung SHTB cung cấp các kiến thức tương đương với chương trình của các quốc gia trên thế giới và có cập nhật các kiến thức mới như thông tin tế bào, công nghệ tế bào, công nghệ enzyme.

- Phần Khái quát về tế bào giới thiệu học thuyết Tế bào, một trong những học thuyết quan trọng của Sinh học bên cạnh học thuyết Tiến hoá. Đồng thời, thông qua đó, giới thiệu khái quát lịch sử nghiên cứu về tế bào; làm rõ được tế bào là đơn vị cơ sở về cấu trúc và chức năng của sự sống.

- Nội dung SHTB cung cấp đầy đủ các thuộc tính cơ bản của tổ chức sống ở cấp độ tế bào, bao gồm tổ chức tế bào (từ phân tử nhỏ đến phân tử lớn, đến bào quan), trao đổi chất và năng lượng, sinh trưởng, sinh sản, và cảm ứng (nhận biết và truyền tín hiệu trả lời kích thích) và được trình bày một cách hệ thống từ cấu tạo đến chức năng là các hoạt động sống cơ bản theo quy luật quan hệ cấu trúc - chức năng.

- Chủ đề Cấu trúc tế bào hướng tới mục tiêu hình thành ở HS quy luật quan hệ giữa cấu trúc và chức năng, một trong những chủ đề quan trọng trong Sinh học thông qua việc phân tích mối liên quan giữa cấu trúc và chức năng của các thành phần hoá học của tế bào (nước, carbohydrate, lipid, protein, nucleic acid), các thành phần cấu tạo tế bào (thành tế bào, màng sinh chất, nhân, các bào quan), đặc biệt cấu trúc của màng liên quan đến hoạt động điều khiển sự vận chuyển các chất qua màng, cấu trúc của lục lạp - bộ máy quang hợp, và cấu trúc của ti thể - bộ máy hô hấp tế bào.

- Chủ đề Trao đổi chất và năng lượng thể hiện rõ nét sự liên quan mật thiết giữa trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng thông qua mối quan hệ giữa quá trình phân giải các chất và quá trình tổng hợp.

- Chủ đề Thông tin tế bào là nội dung hoàn toàn mới, giúp cho việc tìm hiểu đầy đủ các thuộc tính cơ bản của sự sống được thể hiện ở cấp độ tế bào, là nền tảng cho việc tiếp thu các kiến thức về cảm ứng, duy trì cân bằng nội môi, hoạt động của các hormone ở lớp 11.

- Phần SHTB cũng giúp tăng cường tổ chức các hoạt động thực nghiệm, thực hành, giúp HS khám phá thế giới tự nhiên, phát triển khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: làm tiêu bản quan sát và nhận biết tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực và một số thành phần cấu tạo tế bào,...

- Phần SHTB chú trọng các kiến thức gắn gũi với cuộc sống hằng ngày, tạo điều kiện để HS tăng cường vận dụng kiến thức khoa học vào thực tiễn: vận dụng kiến thức về thành phần hoá học của tế bào trong việc tìm hiểu nguồn thực phẩm cung cấp chất dinh dưỡng, dinh dưỡng cân đối, hợp lí, ứng dụng của DNA trong phân tích di truyền, pháp y...; vận dụng kiến thức về vận chuyển các chất qua màng tế bào giải thích các ứng dụng trong đời sống (tưới nước cho cây, duy trì hàm lượng nước của máu ổn định môi trường trong...); vận dụng kiến thức về phân chia tế bào để giải thích về bệnh ung thư, về ứng dụng trong nhân giống cây trồng, vật nuôi.

- Tính cập nhật trong nội dung SHTB còn được thể hiện ở việc giới thiệu các nguyên lí công nghệ tế bào, công nghệ enzyme và những thành tựu của công nghệ này trong công nghiệp, nông nghiệp và y học. Đồng thời, thể hiện định hướng nghề nghiệp, hướng cho HS lựa chọn ngành nghề trong bối cảnh phát triển của công nghệ sinh học và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đó chính là nguồn đề tài giáo dục STEM.

#### 2.4. Phương pháp dạy học

Phát triển phẩm chất, năng lực chung và năng lực chuyên môn được thực hiện thông qua tổ chức HS tìm hiểu nội dung sinh học. Trong đó, nội dung vừa là mục tiêu, vừa là phương tiện hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực. Đây là đặc điểm nổi bật của chương trình giáo dục theo tiếp cận năng lực, làm cho phương pháp dạy học là sự vận động của nội dung dạy học. Phẩm chất và năng lực vừa là đầu ra của chương trình môn Sinh học vừa là điều kiện để HS tự học, tự khám phá chiếm lĩnh hiệu quả kiến thức sinh học. Trong đó, phương pháp dạy học có vai trò hiện thực hóa yêu cầu cần đạt được diễn đạt bằng các động từ hành động biểu thị các mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao) ứng với các chủ đề nội dung đã quy định trong chương trình. Do vậy, các phương pháp giáo dục trong chương trình Sinh học 2018 chủ yếu được lựa chọn theo các định hướng sau:

- Dạy học tích hợp là cách tiếp cận xuyên suốt các phương pháp, hình thức, nội dung dạy học. Để tiếp cận tích hợp có tác dụng hình thành, phát triển hiệu quả các phẩm chất, năng lực chung và năng lực sinh học, giáo viên cần thiết kế các chủ đề kết nối được nhiều kiến thức với phạm vi càng rộng càng hiệu quả phát triển năng lực cho HS. Cùng với các chủ đề đó, cần xây dựng các tình huống đòi hỏi HS vận dụng kiến thức, kĩ năng để giải quyết vấn đề nhận thức, thực tiễn và công nghệ.

- Dạy học bằng tổ chức chuỗi hoạt động tìm tòi, khám phá sự sống. Để có các hoạt động này giáo viên cần có kĩ năng đặt câu hỏi, bài tập có vấn đề, thiết kế dự án học tập

và rèn luyện các kĩ năng tiến trình, các cách học, sử dụng các phương tiện truyền thông hiện đại. Bằng chuỗi hoạt động, HS mới rèn luyện được nhiều năng lực, phẩm chất. Phương pháp dạy học phát triển năng lực chính là tổ chức triển khai công thức:

**NĂNG LỰC = KIẾN THỨC x KĨ NĂNG x THÁI ĐỘ x TÌNH HUỐNG**

- Rèn luyện được cho HS phương pháp nhận thức, kĩ năng học tập, thao tác tư duy.

- Thực hành thí nghiệm, hoạt động trải nghiệm trong môi trường tự nhiên, thực tiễn đời sống cá nhân và xã hội.

- Tăng cường phối hợp hoạt động học tập cá nhân với học hợp tác nhóm nhỏ.

- Kiểm tra, đánh giá, đặc biệt đánh giá quá trình được vận dụng như là phương pháp tổ chức hoạt động học tập tích cực.

#### 2.5. Hình thức tổ chức dạy học

Dạy học kết hợp, dạy học đa phương tiện là định hướng lựa chọn hình thức dạy học. Với định hướng đó, các hình thức dạy học phải tạo được môi trường tương tác sư phạm đa dạng, giữa giáo viên-HS, HS-HS, HS - nguồn thông tin. Trong dạy học Sinh học, các hình thức sau có nhiều khả năng tạo ra môi trường đó.

- Dạy học trên lớp bằng sử dụng các phương tiện trực quan: video, tranh, mô hình, thí nghiệm ảo, quan sát mẫu vật thật...

- Dạy học trong phòng thực hành, ngoài thực địa.

- Dạy học trực tuyến.

#### 2.6. Kiểm tra, đánh giá

Chương trình mới và chương trình hiện hành đều đánh giá kết quả học tập về kiến thức, kĩ năng, thái độ, đánh giá quá trình, đánh giá tổng kết; với các công cụ trắc nghiệm khách quan, tự luận. Tuy nhiên, chương trình GDPT 2018 đánh giá chuẩn đầu ra theo các mức độ nhận thức khác nhau thông qua sản phẩm là kết quả kết nối, tích hợp các kiến thức, kĩ năng để giải quyết các vấn đề trong các tình huống nhận thức và thực tiễn.

Như vậy, công cụ đánh giá phải là câu hỏi, bài tập đòi hỏi gia công trí tuệ kiến thức bằng các thao tác logic giải quyết vấn đề có ý nghĩa nhận thức và thực tiễn. Đó chính là bản chất của đánh giá năng lực. Trong quá trình giải quyết vấn đề đó, HS bộc lộ các năng lực chung và năng lực sinh học. Học qua làm thì kết quả học tập cũng phải là những khả năng làm, cho nên phải đánh giá HS thông qua việc HS làm. Đó là quan hệ giữa phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá năng lực.

(Xem tiếp trang 32)

độ chuyên môn, thâm niên công tác, tuổi và lớp trẻ theo lứa tuổi mà giáo viên phụ trách. Kết quả kiểm định thu được ở tất cả các nhóm khách thể đều có giá trị  $p > 0,05$  nên có thể kết luận rằng, không có sự khác biệt về mức độ trải nghiệm cảm xúc giữa các nhóm khách thể. Như vậy, dù ở bất cứ loại hình trường, trình độ chuyên môn, thâm niên công tác, độ tuổi hay lớp phụ trách nào, GVMN đều có thể có những trải nghiệm cảm xúc âm tính.

### 3. Kết luận

Kết quả khảo sát thực trạng trải nghiệm cảm xúc âm tính trong giao tiếp với trẻ của GVMN cho thấy, GVMN thường trải nghiệm các cảm xúc âm tính lo lắng, giận dữ và buồn trong giao tiếp với trẻ. Trong đó, cảm xúc lo lắng xuất hiện nhiều hơn so với các cảm xúc âm tính khác. Nguyên nhân của cảm xúc lo lắng của GVMN thường liên quan đến vấn đề an toàn của trẻ. Khi trẻ không vâng lời, giáo viên thường cảm thấy tức giận. Không có sự khác biệt trong trải nghiệm cảm xúc âm tính giữa các nhóm khách thể chứng tỏ cảm xúc âm tính là những trải nghiệm mang tính phổ biến xảy ra ở tất cả các GVMN.

Từ các kết quả thu được như trên, chúng tôi cho rằng, trong công tác đào tạo GVMN cũng như các hoạt động bồi dưỡng thường xuyên của ngành Giáo dục, cần thiết phải trang bị cho GVMN những kiến thức, kĩ năng để đương đầu hiệu quả với các cảm xúc âm tính này như: trang bị cho GVMN các hiểu biết cơ bản về cảm xúc âm tính, hướng dẫn họ cách thức để rèn luyện kĩ năng điều chỉnh các cảm xúc này sao cho phù hợp với hoàn cảnh. Đồng thời, mỗi GVMN cũng cần tích cực tìm hiểu, học hỏi để nâng cao khả năng ứng phó với các cảm xúc âm tính nhằm mang lại những kết quả hữu ích cho bản thân họ cũng như cho chất lượng công tác chăm sóc, giáo dục trẻ mà họ đang đảm trách.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Lê Xuân Hồng (2004). *Một số vấn đề về giao tiếp và giao tiếp sư phạm trong hoạt động của giáo viên mầm non*. NXB Giáo dục.
- [2] Quốc hội (2005). *Luật số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005. Luật Giáo dục*.
- [3] Trịnh Viết Then (2016). *Stress ở giáo viên mầm non*. Luận án tiến sĩ Tâm lí học, Học viện Khoa học xã hội.
- [4] Vũ Dũng (chủ biên, 2012). *Từ điển thuật ngữ tâm lí học*. NXB Từ điển bách khoa.
- [5] S. J. Stein (2018). *Tri thông minh cảm xúc dummies*. NXB Lao động.
- [6] Huỳnh Văn Sơn - Lê Thị Hân (chủ biên) - Trần Thị Thu Mai - Nguyễn Thị Uyên Thy (2018). *Giáo trình Tâm lí học đại cương*. NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

- [7] Đinh Thị Hồng Vân (2014). *Cách ứng phó với cảm xúc âm tính trong quan hệ xã hội của trẻ vị thành niên thành phố Huế*. Luận án tiến sĩ Tâm lí học, Học viện Khoa học xã hội.

### PHÂN TÍCH, SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH...

(Tiếp theo trang 5)

### 3. Kết luận

Kết quả phân tích, so sánh cho thấy điểm khác biệt nổi bật nhất giữa Chương trình Sinh học 2006 và Chương trình Sinh học 2018 là ở cách thể hiện tiếp cận năng lực trong xác định, biểu đạt mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, là ở phương thức phân hóa hướng nghiệp cho HS. Trong đó, ở Chương trình Sinh học 2018 tiếp cận hình thành, phát triển năng lực hướng nghiệp HS được thể hiện một cách nhất quán từ mục tiêu, yêu cầu cần đạt đến nội dung, phương pháp giáo dục và kiểm tra, đánh giá. Sản phẩm hướng tới xuyên suốt của các yếu tố cấu trúc chương trình là phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù sinh học; nguyên liệu gia công của quá trình xuyên suốt đó là nội dung kiến thức sinh học.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT)*.
- [2] Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình môn Sinh học (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018, của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT)*.
- [3] Bộ GD-ĐT (2015). *Sinh học 10*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [4] Bộ GD-ĐT (2015). *Sinh học 11*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5] Bộ GD-ĐT (2015). *Sinh học 12*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [6] Đinh Quang Báo - Phan Thị Thanh Hội (2018). *Dạy môn Sinh học tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông mới*. Tạp chí Giáo dục, số 435, tr 40-43-63.
- [7] Đinh Quang Báo - Mai Sỹ Tuấn - Phan Thị Thanh Hội (2017). *Định hướng xây dựng chương trình môn sinh học trung học phổ thông đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*. Tạp chí Giáo dục, số 419, tr 5-9.
- [8] Phan Thị Thanh Hội - Lê Đình Trung (2016). *Hình thành và phát triển các năng lực chuyên biệt môn Sinh học cho học sinh ở trường trung học phổ thông*. Tạp chí Giáo dục, số 378, tr 53-56.